

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2017/HSST

Ngày: 19/ 12/ 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thường Tín và ông Đào Ngọc Khải.

Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kiều Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2017/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2017; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/HSST - QĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Xuân M, sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Phố Ph, thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đỗ Xuân D (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1930; Có vợ là chị Vũ Thị Tuyết L, sinh năm 1970 và có ba con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 12/7/2017 đến ngày 17/8/2017 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

2. Đỗ Trường G (tên gọi khác là T), sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Phố Ph, thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đỗ Xuân M, sinh năm 1969 và bà Vũ Thị Tuyết L, sinh năm 1970; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 20/01/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội gây rối trật tự công cộng.

Bị tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 20/7/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

3. Nguyễn Duy L₁, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT: Khu 8, xã Ph X, huyện C, tỉnh Ph.

Chỗ ở: Thôn Phố Ph, thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe.

Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; có vợ là chị Đỗ Kim A, sinh năm 1996; bị cáo có hai con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 20/7/2017 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

4. Đỗ Văn B, sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Phố Ph, thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1936; Con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1936; có vợ là chị Phạm Thị G, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/4/1995 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Giang xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị tạm giữ tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 12/7/2017 đến ngày 03/10/2017 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

5. Nguyễn Thị H₁, sinh năm 1972.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Phố Ph, thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 4/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1946; Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946; Có chồng là anh Hoàng Gia V, sinh năm 1973 và có 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị tạm giữ tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 12/7/2017 đến ngày 14/9/2017 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

Người bào chữa cho bị cáo H₁; Luật sư Đào Văn Hoàn - Văn phòng luật sư Trọng Hoàn. Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên. Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên, (có mặt).

6. Trần Thị H₂, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Phố Ph, thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 4/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Trần Đại H, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1952. Chồng, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 11/12/ 2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc; Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 12/7/2017 cho đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

7. Ngô Văn Ph, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã Y Ph, huyện Y, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Ngô Văn Th, sinh năm 1965; Con bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1965; Có vợ là chị Lã Thị Kiều H, sinh năm 1995 và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/4/2010 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt hành chính về hành vi Mua dâm.

- Ngày 8/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 18/7/2017 cho đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

8. Nguyễn Văn L2, sinh năm 1967.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn S Tr, xã Th L, huyện V, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Nguyễn Văn Ngh và bà Cao Thị L (đều đã chết); Có vợ là chị Trần Thị Đ, sinh năm 1976 và có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 20/7/2017 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

9. Bùi Đình S (tên gọi khác: Bùi Đình Đ), sinh năm 1979.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ, xã D Tr, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 0/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Bùi Quang Tr, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị V (đã chết); Có vợ là chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1979 và có 03 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: Ngày 26/7/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/2/2009 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 12/7/2017 cho đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

10. Lê Công T1, sinh năm 1979.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn 1, xã Ô, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 0/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Lê Công H, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943; Có vợ là chị Trần Thị T, sinh năm 1982 và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2017 đến ngày 14/9/2017 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

11. Hoàng Văn L3, sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn 3, xã Ô, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 0/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Hoàng Văn Ng và bà Vũ Thị T, đều đã chết; có vợ là chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1970 và có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/12/2008 bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 20/7/2017 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

12. Phạm Hữu H3, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Ch, xã Đ, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Phạm Hữu Ch và bà Đặng Thị L, đều đã chết; Có vợ là chị Đào Thị Ng, sinh năm 1988 và có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 21/7/2017 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

13. Nguyễn Văn D, sinh năm 1968.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn Ch và bà Phạm Thị T, đều đã chết; có vợ là chị Phạm Thị Th, sinh năm 1974 và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 25/7/2002 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 9 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc.

- Ngày 04/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 18/7/2017 cho đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

14. Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn H, xã A, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; Có vợ là chị Trần Thị H, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: Ngày 13/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 10 tháng tù về tội đánh bạc.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 1 năm cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 14/7/2017 cho đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

15. Phan Văn T₂, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn B, xã B K, huyện Kh, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Phan Văn M, đã chết và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1965; Có vợ là chị Phan Thị V, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 17/7/2017 đến ngày 20/7/2017 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

16. Trình Văn Th, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã M T, huyện H, tỉnh Th.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã Y-H, huyện Y, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông Trình Văn Kh, sinh năm 1955 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1958; có vợ là chị Lê Thị H, sinh năm 1985 và có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/6/2003 bị TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

Bị tạm giữ từ ngày 12/7/2017 đến ngày 20/7/2017 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

*** Các người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1979, (vắng mặt).

- Anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1958, (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị G, sinh năm 1980, (có mặt).

- Chị Vũ Thị Tuyết L, (vắng mặt).

- Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1979, (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn Phố Ph, thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H

- Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Kh, tỉnh H (vắng mặt).

- Chị Đào Thị Ng, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Kh, tỉnh H (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1979.

Trú tại: thôn Đ, xã D Tr, huyện Kh, tỉnh H (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn 3, xã Ô, huyện Kh, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 07/2017 Đỗ Xuân M đã sử dụng phòng khách tầng 2 nhà ở của mình tổ chức cho các đối tượng đánh bạc để thu tiền hồ. M đã trải sẵn 2 tấm thảm tại phòng khách tầng 2, chuẩn bị bát, đĩa sứ, 04 quân bài vị hình tròn cắt từ quân bài chắn, để các đối tượng đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, M quy định mỗi đối tượng đến đánh bạc phải nộp 500.000 đồng tiền hồ, phân công Nguyễn Duy L₁ là con rể của M canh gác cảnh giới ở khu vực ngoài cổng, phân công Đỗ Trường G là con trai M làm hồ lý tại sới bạc (giúp người làm cái thu tiền của người thua trả cho người thắng bạc), G và L₁ được hưởng lợi là phần chi phí ăn uống, sinh hoạt trong gia đình.

Tối ngày 11/7/2017 được biết Đỗ Xuân M tổ chức đánh bạc tại nhà, một số đối tượng đã đến nhà M để đánh bạc, do có việc bận nên M nói tỵ nữa anh em lên tầng 2 đánh bạc, sau đó đi ra ngoài. Khoảng 22 giờ cùng ngày các đối tượng tụ tập tại nhà Mạnh gồm có: Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H₁, Trần Thị H₂, Nguyễn Mạnh C, Đỗ Xuân Q, Đỗ Thương T₃, Bùi Đình S, Lê Công T₁, Hoàng Văn L₃, Phạm Hữu H₃, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T₂, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L₂, Trình Văn Th và đối tượng tên Tuấn chưa rõ nhân thân lai lịch. Lúc này mọi người cùng rủ nhau lên tầng 2 nhà M để đánh bạc, thấy vậy ông Đỗ Xuân Q đi về, do M không có nhà nên G đã thu tiền hồ của những người đánh bạc, được 5.500.000 đồng, theo sự phân công từ trước L₁ ra khu vực cổng nhà để canh giới, canh gác cho mọi người đánh bạc. Sau đó Nguyễn Văn Kh xóc cái để mọi người tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, hình thức đánh bạc như sau: Người xóc cái cho 04 quân bài vào trong đĩa sau đó úp bát lên rồi xóc cái, người chơi đặt tiền bên lẻ hoặc chắn mức thấp nhất là 100.000 đồng/01 ván, khi mở bát ra nếu có hai hoặc bốn quân bài cùng màu là chắn thì người đặt tiền bên chắn thắng bạc bằng số tiền đã đặt và ngược lại nếu có một hoặc 3 quân bài cùng màu là lẻ, người đặt tiền bên lẻ thắng bạc, G làm hồ lý, giúp người làm cái

thu tiền của người thua trả cho người thắng bạc. Một lúc sau Đỗ Xuân M về nhà khóa cổng và cửa nhà lại, sau đó lên tầng 2 cùng tham gia đánh bạc với các đối tượng. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày trong khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên bắt quả tang, Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T2, Nguyễn Văn D, Đỗ Thương T3, Phan Văn H4, Nguyễn Mạnh C và đối tượng có tên Tuấn đã chạy thoát. Vật chứng thu giữ: 01 tấm thảm màu xanh có hoa văn; 01 tấm thảm màu đỏ có hoa văn; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng đục; 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài chắn một mặt màu trắng có chữ màu đen, một mặt màu đỏ; 10 xe mô tô; 12 điện thoại di động các loại; tiền thu trên chiếu bạc 67.900.000 đồng, tiền thu trong người các đối tượng: 53.500.000 đồng (gồm: Đỗ Xuân M 10.000.000 đồng, Đỗ Trường G 15.500.000 đồng, Nguyễn Duy L1 1.900.000 đồng, Đỗ Văn B 5.700.000 đồng, Trần Thị H1 800.000 đồng, Ngô Văn Ph 4.400.000 đồng, Nguyễn Văn L2 3.700.000 đồng, Lê Công T1 5.300.000 đồng, Hoàng Văn L3 4.400.000 đồng, Phạm Hữu H3 1.600.000 đồng, Trình Văn Th 200.000 đồng). Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Xuân M thu giữ 241.550.000 đồng và 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIK VISION.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Đỗ Xuân M, Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Trần Thị H2, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L2, Bùi Đình S, Lê Công T1, Hoàng Văn L3, Phạm Hữu H3, Nguyễn Văn D, Phan Văn T2, Trình Văn Th. Nguyễn Văn Kh là người xóc cái. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 104.000.000 đồng, gồm tiền thu trên chiếu bạc 67.900.000 đồng, tiền thu trong người các đối tượng sẽ dùng để đánh bạc 36.100.000 đồng gồm (Đỗ Xuân M 10.000.000 đồng, Đỗ Văn B 5.700.000 đồng, Trần Thị H2 800.000 đồng, Ngô Văn Ph 4.400.000 đồng, Nguyễn Văn L2 3.700.000 đồng, Lê Công T1 5.300.000 đồng, Hoàng Văn L3 4.400.000 đồng, Phạm Hữu H3 1.600.000 đồng, Trình Văn Th 200.000 đồng); Số tiền M thu được từ việc tổ chức đánh bạc là 5.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T2 và Nguyễn Văn D đã đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Đỗ Xuân M, Đỗ Trường G, Nguyễn Duy L1, Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Trần Thị H2, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L2, Bùi Đình S, Lê Công T1, Hoàng Văn L3, Phạm Hữu H3, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T2 và Trình Văn Th đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm.

Đối với anh Phan Văn H4, Nguyễn Mạnh C, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay không có tài liệu và căn cứ chứng minh anh H4, anh C tham gia đánh bạc, nên không có căn cứ xử lý. Đối với Đỗ Thương T3 và đối tượng

có tên Tuấn, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh, hiện tại T3 vắng mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Cáo trạng số 83/QĐ-VKS- P2 ngày 23 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Đỗ Xuân M, về các tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đỗ Trường G, Nguyễn Duy L1 về tội Tổ chức đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 249. Các bị cáo Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Trần Thị H2, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L2, Bùi Đình S, Lê Công T1, Hoàng Văn L3, Phạm Hữu H3, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T2 và Trình Văn Th về tội Đánh bạc, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* *Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên:* Giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội với các bị cáo và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân M từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc, phạt bổ sung bằng tiền từ 05 đến 07 triệu đồng và từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội đánh bạc, phạt bổ sung bằng tiền từ 03 đến 05 triệu đồng. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo M phải chấp hành hình phạt chung là từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm 03 tháng tù và phạt bổ sung bằng tiền từ 08 đến 12 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Trường G từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy L1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Phạt bổ sung bị cáo bằng tiền mỗi bị cáo từ 05 đến 07 triệu đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù và phạt bổ sung bị cáo bằng tiền từ 03 đến 05 triệu đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Khoản 1 Điều 51; Khoản 5 Điều 60; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đối với Trần Thị H2 và Bùi Đình S; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với H2. Xử phạt bị cáo H2 từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, buộc bị cáo H2 phải chấp hành hình phạt 01 năm tù tại bản án ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, tổng hợp hình phạt chung và trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam theo quy định và phạt bổ sung bị cáo bằng tiền từ 03 đến 05 triệu đồng. Xử phạt bị cáo từ S 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, tổng hợp hình phạt

chung và trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam theo quy định và phạt bổ sung bị cáo bằng tiền từ 03 đến 05 triệu đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo Ngô Văn Ph và Nguyễn Văn D, áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo D, xử phạt bị cáo Ph từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo D từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù và phạt bổ sung mỗi bị cáo bằng tiền từ 03 đến 05 triệu đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Văn B, Hoàng Văn L3, Trình Văn Th, Phan Văn T2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn L2, Lê Công T1 và Phạm Hữu H3:

+ Xử phạt các bị cáo B, L3, Th mỗi bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm.

+ Xử phạt các bị cáo T2, H1, L2, T1, H3 mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng.

Phạt bổ sung bằng tiền 08 bị cáo, mỗi bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 109.500.000đ; tịch thu, cho tiêu hủy bát sứ, đĩa sứ, quân bài, thảm trải màu xanh, đỏ; Trả lại bị cáo G số tiền 10.000.000đ và bị cáo L1 số tiền 1.900.000đ; Trả lại 04 điện thoại di động cho các bị cáo B, H2, Ph và S; Trả lại bị cáo M 01 đầu thu camera.

Luật sư Đào Văn Hoàn bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H1 có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử, xử bị cáo H1 mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo không có ý kiến gì, bị cáo Dũng đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Hiền không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của 16 bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ: bát sứ, đĩa sứ, quân bài, tấm thảm và tiền thu giữ tại chiếu bạc 67.900.000 đồng, thu trên người 36.100.000 đồng (của các bị cáo M, B, H1, Ph, L2, T1, L3, H3 và Th) mà các bị cáo thừa nhận đã và sẽ sử dụng để đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền; lời khai của người làm chứng là anh Đỗ Xuân Q, anh Phan Văn H4 trực tiếp ngồi xem các bị cáo đánh bạc.

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Với động cơ mục đích vụ lợi, khoảng 22 giờ ngày 11/7/2017 Đỗ Xuân M đã có hành vi rủ rê, lôi kéo mọi người đến nhà bị cáo, đồng thời chuẩn bị sẵn bát, đĩa, quân bài trên tầng 2, phân công Đỗ Trường G là con trai thu tiền hồ, làm hồ lý trang tiền cho những người chơi, Nguyễn Duy L1 là con rể canh gác cảnh giới để 14 người (trong đó có bị cáo M) tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa để thu tiền hồ, đã thu được 5.500.000đ tiền hồ. Với tổng số 14 người tham gia đánh bạc và số lượng tiền được dùng vào việc đánh bạc là 104.000.000 đồng đã thuộc trường hợp “có quy mô lớn”. Nên Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên truy tố Đỗ Xuân M, Đỗ Trường G và Nguyễn Duy L1 về Tội “tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.; Mặt khác Đỗ Xuân M cùng Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Trần Thị H2, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L2, Bùi Đình S, Lê Công T1, Hoàng Văn L3, Phạm Hữu H3, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T2 và Trình Văn Th tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 104.000.000 đồng, đã thuộc trường hợp “Tiền dùng đánh bạc có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên” do vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố 14 bị cáo trên về Tội đánh bạc, theo điểm b, khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội, vị trí, vai trò của các bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân tại địa phương; hành vi phạm tội của các bị cáo còn là một trong các nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc của nhiều gia đình, trong đó có gia đình của các bị cáo. Nên xét thấy cần phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với tội tổ chức đánh bạc bị cáo Đỗ Xuân M là người giữ vai trò chính, còn Đỗ Trường G và Nguyễn Duy L1 là người giúp sức, trong đó bị cáo G là người giúp sức có vai trò tích cực hơn bị cáo L1.

Đối với tội đánh bạc, các bị cáo Đỗ Xuân M, Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Trần Thị H2, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L2, Bùi Đình S, Lê Công T1, Hoàng

Văn L3, Phạm Hữu H3, Nguyễn Văn D, Phan Văn T2 và Trình Văn Th là đồng phạm cùng thực hành với nhau về tội đánh bạc, đều tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền; bị cáo Nguyễn Văn Kh là người xóc cái cho các con bạc nên là đồng phạm giúp sức cho 13 bị cáo tham gia đánh bạc.

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc và hành vi đánh bạc sát phạt nhau là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: 03 bị cáo gồm: Bùi Đình S, Nguyễn Văn Kh và Trần Thị H2 đều đã có 01 tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nên trong vụ án này các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân:

- Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên tất cả 16 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

- Các bị cáo M, L1, H1, L3, D, L2, T1, H3 đều phạm tội lần đầu. Bị cáo M có anh trai Đỗ Xuân D được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bản thân bị cáo ốm đau bệnh tật (có xác nhận của bệnh viện nội tiết Trung ương, và chính quyền địa phương); các bị cáo Kh, T2, D khi cơ quan công an vào bắt đã bỏ chạy, sau đó đã tự nguyện ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm khác, nên các bị cáo M, L1, H1, L3, D, L2, T1, H3, Kh và T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

- Bị cáo L3 có bố đẻ ông Hoàng Văn Ng có Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo H2 có bố đẻ ông Trần Đại H bị nhiễm chất độc da cam và có Huân chương kháng chiến hạng 3, Huân chương chiến sỹ giải phóng. Nên căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì các bị cáo L3 và H2 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Các bị cáo G, B, Ph, D và Th có nhân thân xấu: năm 2009 bị cáo G bị xử 09 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng, năm 1995 bị cáo B bị xử 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; năm 2010 bị cáo Ph bị xử 02 năm 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; năm 2002 và 2010 bị cáo D bị xử 9 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc và 6 tháng tù về tội đánh bạc; năm 2003 bị cáo Th bị xử 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tuy nhiên các bị cáo đều đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích.

Trong vụ án này, bị cáo M là người tổ chức cho 13 đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình để thu tiền hồ, đồng thời còn trực tiếp tham gia chơi đánh bạc, nên phải giành cho bị cáo hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo. Các bị cáo Bùi Đình S, Nguyễn Văn Kh và Trần Thị H2 đều đã có tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội cùng loại, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo, hình phạt của bản án trước chưa đủ tính răn đe, giáo dục nên cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và

phòng ngừa chung. Do bị cáo S và H2 phạm tội mới trong thời gian thử thách nên ngoài việc các bị cáo phải chịu hình phạt của lần phạm tội này còn phải chấp hành hình phạt của bản án trước.

Bị cáo Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn D và Đỗ Trường G là những người phạm tội tích cực có nhân thân xấu, bị cáo Ph đã bị kết án về tội Trộm cắp và bị xử phạt hành chính về hành vi mua dâm, bị cáo D đã hai lần bị kết án về tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc, bị cáo G đã bị kết án về tội Gây rối trật tự công cộng. Nên cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo Ph và bị cáo D, tiếp tục cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội để giáo dục. Đối với bị cáo G lẽ ra cũng phải áp dụng hình phạt tù nhưng xét thấy bị cáo là con bị cáo M, trong vụ án này có ba bố con phạm tội nên thể hiện tính nhân đạo của pháp luật cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo Đỗ Văn B, Hoàng Văn L3 và Trình Văn Th là những đồng phạm trong vụ án đánh bạc. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải, có đơn xin được cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị. Mặc dù các bị cáo có nhân thân xấu nhưng đều được đương nhiên xóa án tích từ lâu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly ra ngoài xã hội để giáo dục mà chỉ cần áp dụng hình phạt tương xứng với vị trí vai trò của các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt.

Các bị cáo Nguyễn Duy L1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn L2, Lê Công T1, Phạm Hữu H3 và Phan Văn T2 đều là những đồng phạm giữ vai trò thấp trong vụ án, đã có thái độ ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình, đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có đơn xin được cải tạo tại địa phương, có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự, dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo trong vụ án đều phạm tội với động cơ vụ lợi, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 249 đối với bị cáo M; G và khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo B, H2, Ph, L2, S, T1, L3, H3, D, Kh để sung quỹ Nhà nước. Đối với các bị cáo T2, L1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo H1 và Th thuộc diện hộ nghèo của địa phương nên miễn không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Tiền phạt bổ sung đối với 12 bị cáo phải nộp 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Biện pháp tư pháp:

Số tài sản, đồ vật Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ còn lại được xử lý như sau:

- Đối với 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài hình tròn được cắt từ quân bài chắn, 01 tấm thảm màu xanh và 01 tấm thảm màu đỏ là các đồ vật dùng vào việc phạm tội, không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

- Khoản tiền 121.400.000 đồng đang gửi tại kho bạc nhà nước tỉnh Hưng Yên trong đó xác định 104.000.000 đồng là tiền các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc phạm tội và 5.500.000 đồng là tiền Giang đã thu tiền hồ của những người đến chơi bạc, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Còn lại số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo G và 1.900.000 đồng của bị cáo L1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo G và L1.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động các loại (đều có thẻ sim) thu giữ của các bị cáo B, H2, Ph và S, kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh liên quan đến hành vi tội phạm, nên giao trả cho các bị cáo.

- Đối với 01 chiếc đầu thu camera màu đen bạc, nhãn hiệu HIK VISION đã thu giữ tại nhà bị cáo M không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất khoản tiền phạt bổ sung do chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Xuân M phạm hai tội: **“Tổ chức đánh bạc”** và **“Đánh bạc”**.

- Các bị cáo Đỗ Trường G (tên gọi khác là T) và Nguyễn Duy L1 đều phạm tội **“Tổ chức đánh bạc”**.

- Các bị cáo Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Trần Thị H2, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L2, Bùi Đình S (Bùi Đình Đ), Lê Công T1, Hoàng Văn L3, Phạm Hữu H3, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T2 và Trình Văn Th đều phạm **“Đánh bạc”**.

[2]. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Phạt bị cáo **Đỗ Xuân M** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đối với tội “Tổ chức đánh bạc” và 02 (hai) năm tù đối với tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2017 đến ngày 17/8/2017.

Phạt bổ sung Đỗ Xuân M 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

2.2. Áp dụng Khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 đối với các bị cáo Đỗ Trường G và Nguyễn Duy L1. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L1. Áp dụng thêm Điều 30; khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo G.

- Phạt bị cáo **Đỗ Trường G** (T) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo , thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

Phạt bổ sung Đỗ Trường G 05 (năm) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Phạt bị cáo **Nguyễn Duy L1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Bùi Đình S, Nguyễn Văn Kh, Trần Thị H2, Nguyễn Văn D và Ngô Văn Ph. Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với 03 bị cáo: S, Kh, H2; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Kh và D; khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, đối với bị cáo S và H2; điểm x khoản 1 Điều 51 luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H2.

- Phạt bị cáo **Bùi Đình S** (Bùi Đình Đ) 03 (ba) năm tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù của Bản án số 71/2016/HSPT ngày 26/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 12/7/2017. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của bản án số 71/2016/HSPT từ ngày 6/6/2015 đến ngày 18/9/2015.

- Phạt bị cáo **Nguyễn Văn Kh** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 14/7/2017.

- Phạt bị cáo **Trần Thị H2** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 01 năm tù của Bản án số 123/2015/HSPT ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 12/7/2017. Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ của Bản án số 123/2015/HSPT từ ngày 12/6/2015 đến ngày 21/6/2015.

- Phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày 18/7/2017.

- Phạt bị cáo **Ngô Văn Ph** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày 18/7/2017.

Phạt bổ sung các bị cáo S, Kh, H2, D, Ph mỗi bị cáo 05 (năm) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 đối với Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn L2, Lê Công T1, Hoàng Văn L3, Phạm Hữu H3, Phan Văn T2 và Trình Văn Th. Áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo L3.

- Phạt bị cáo **Đỗ Văn B** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

- Phạt bị cáo **Hoàng Văn L2**, 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

- Phạt bị cáo **Trình Văn Thư** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

- Phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

- Phạt bị cáo **Nguyễn Văn L2** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

- Phạt bị cáo **Lê Công T1** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

- Phạt bị cáo **Phạm Hữu H3** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bị cáo **Phan Văn T2** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/12/2017.

Phạt bổ sung các bị cáo **Đỗ Văn B**, **Nguyễn Văn L2**, **Lê Công T1**, **Hoàng Văn L3**, **Phạm Hữu H3** mỗi bị cáo 03 (ba) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Miễn, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo **Nguyễn Duy L1**, **Nguyễn Thị H1**, **Phan Văn T2** và **Trình Văn Th**.

Tiền phạt bổ sung của các bị cáo **Đỗ Xuân M**, **Đỗ Trường G**, **Bùi Đình S**, **Nguyễn Văn Kh**, **Trần Thị H2**, **Nguyễn Văn D**, **Ngô Văn Ph**, **Đỗ Văn B**, **Nguyễn Văn L2**, **Lê Công T1**, **Hoàng Văn L3**, **Phạm Hữu H3** được nộp một lần.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo không thi hành án về khoản tiền phạt bổ sung thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Giao các bị cáo: **Đỗ Trường G**, **Đỗ Văn B**, **Nguyễn Thị H1** cho UBND thị trấn Kh, huyện Kh, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nguyễn Duy L1** cho UBND xã Ph X, huyện C, tỉnh Ph giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Hoàng Văn L3** và **Lê Công T1** cho UBND xã Ô, huyện Kh, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Trình Văn Th** cho UBND xã M, huyện H, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn L2** cho UBND xã Th L, huyện V, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Phạm Hữu H3** cho UBND xã Đ T, huyện Kh, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Phan Văn T** cho UBND xã B K, huyện Kh, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo **Đỗ Trường G**, **Nguyễn Duy L1**, **Đỗ Văn B**, **Nguyễn Thị H1**, **Nguyễn Văn L2**, **Lê Công T1**, **Hoàng Văn L3**, **Phạm Hữu H3**, **Phan Văn T2** và **Trình Văn Th** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng đục (trong lòng đĩa có hình 05 con cá màu xanh), 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài chắn, 01 tấm thảm màu xanh có hoa văn hình chữ nhật và 01 tấm thảm màu đỏ có hoa văn hình chữ nhật cho tiêu hủy.

- Tịch thu số tiền 109.500.000 đồng (*một trăm linh chín triệu, năm trăm nghìn đồng*) sung quỹ nhà nước;

- Trả lại bị cáo Đỗ Trường G số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Duy L1 số tiền 1.900.000đ (*một triệu chín trăm nghìn đồng*).

- Trả lại bị cáo Đỗ Xuân M 01 chiếc đầu thu camera màu đen bạc, nhãn hiệu HIK VISION.

- Trả lại bị cáo Đỗ Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen.

- Trả lại bị cáo Ngô Văn Ph 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu vàng.

- Trả lại bị cáo Trần Thị H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5 màu bạc.

- Trả lại bị cáo Bùi Đình S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen

Tất cả các điện thoại di động trả lại các bị cáo đều đã cũ và kèm sim.

Số tiền 121.400.000đ (Một trăm hai mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng) đang nộp tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hưng Yên.

(Chủng loại, số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 24/QĐ-VKS-P2 ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

[4]. Án phí:

Các bị cáo Đỗ Xuân M, Đỗ Trường G, Nguyễn Duy L1, Đỗ Văn B, Nguyễn Thị H1, Trần Thị H2, Ngô Văn Ph, Nguyễn Văn L2, Bùi Đình S, Lê Công T1, Hoàng Văn L3, Phạm Hữu H3, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Kh, Phan Văn T2 và Trình Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt 16 bị cáo. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan HSNV- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoan